TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/DS-ST.
Ngày: 11 - 4 -2024
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Đông.

2. Ông Nguyễn Tấn Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Giang - Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 352/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1979; nơi cư trú: Khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện hợp pháp cho chị T: Ông Đỗ Nhựt Q, sinh năm 1964; địa chỉ: Số C, khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Theo văn bản ủy quyền ngày 27/9/2023 (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Lâm Thị Ngọc H, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số nhà D, Khóm A, Phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án ông Đỗ Nhựt Q là đại diện nguyên đơn trình bày như sau:

Giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T và bị đơn chị Nguyễn Lâm Thị Ngọc H có mối quan hệ bạn bè với nhau, cho nên nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 01/9/2022. Khi vay giữa nguyên đơn và bị đơn không có làm hợp đồng chỉ làm biên nhận vừa viết tay vừa đánh máy, thỏa thuận thời hạn vay là 06 tháng, không có ghi lãi suất trong biên nhận nhưng có thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng.

Sau đó chị H có chuyển khoản trả cho chị T các khoản sau:

- Ngày 05/11/2022 chuyển khoản 50.000.000 đồng.

- Ngày 12/9/2022 chuyển khoản 30.000.000 đồng.

- Ngày 14/12/2022 chuyển khoản 20.000.000 đồng.

- Ngày 02/7/2023 chuyển khoản 5.000.000 đồng.

- Ngày 10/4/2023 chuyển khoản 10.000.000 đồng.

Tổng cộng chị H chuyển cho chị T là 05 lần với tổng số tiền là 115.000.000 đồng. Trong đó 100.000.000 đồng tiền vốn và 15.000.000 đồng tiền lãi.

Sau ngày 02/7/2023 chị H không chuyển cho chị T khoản nào nửa, chị T có yêu cầu chị H trả cho chị T số tiền còn lại rất nhiều lần nhưng chị H cố tình né tránh không nghe điện thoại, tìm đến nhà không gặp nên chị T yêu cầu chị H trả số tiền còn lại là 400.000.000 đồng tiền vốn, lãi tính từ ngày 01/9/2022 đến ngày xét xử 11/4/2024 là:

400.000.000 đồng x 1.66% x 19 tháng 10 ngày = 128.370.000 đồng

Đã trả trước 15.000.000 đồng còn lại là 113.370.000 đồng

Tổng cộng vốn và lãi là 513.370.000 đồng.

Bị đơn chị Nguyễn Lâm Thị Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đại diện hợp pháp cho nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Lâm Thị Ngọc H được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Chị Nguyễn Thanh T yêu cầu chị Nguyễn Lâm Thị Ngọc H trả cho chị số tiền vốn lãi mà chị H đã vay. Do đó, đây là vụ án tranh chấp về "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn thành phố V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thanh T yêu cầu chị Nguyễn Lâm Thị Ngọc H trả cho chị số tiền vốn 400.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại biên nhận ngày 01/9/2022 thể hiện chị H có vay của chị T số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, không ghi lãi suất, nhưng trong quá trình vay chị T thừa nhận trong các ngày:

- Ngày 05/11/2022 chị H chuyển khoản trả 50.000.000 đồng.

- Ngày 12/9/2022 chị H chuyển khoản trả 30.000.000 đồng.

- Ngày 14/12/2022 chị H chuyển khoản trả 20.000.000 đồng.

- Ngày 02/7/2023 chị H chuyển khoản trả 5.000.000 đồng.

- Ngày 10/4/2023 chị H chuyển khoản trả 10.000.000 đồng.

Sau ngày 02/7/2023 chị H có thỏa thuận với chị T tổng cộng 05 làn chuyển khoản này là trả 100.000.000 đồng tiền vốn và 15.000.000 đồng tiền lãi, cho nên chị T yêu cầu chị H trả 400.000.000 đồng tiền vốn còn lại là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T là thỏa theo Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi: Tại bảng chiết tính tiền lãi ngày 01/04/2024 đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 01/9/2022 đến ngày 11/4/2024 trên số tiền vốn 400.000.000 đồng và mức lãi suất 1,66%/tháng là 113.370.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại biên nhận ngày 01/9/2022 thể hiện số tiền vay là 500.000.000 đồng, không ghi lãi suất nhưng trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thừa nhận sau đó bị đơn đã trả được 100.000.000 đồng tiền vốn, nên số tiền vốn còn lại là 400.000.000 đồng; nguyên đơn yêu cầu tính lãi trên số tiền vốn thấp hơn số tiền vay kể từ ngày vay là có lợi cho bị đơn đồng thời tại đơn khởi kiện ngày 02/10/2023 nguyên đơn cho rằng trong biên nhận không ghi lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 2%/tháng nên yêu cầu lãi suất 1.66%/tháng là phù hợp với Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn từ ngày 01/9/2022 đến ngày 11/4/2024:

400.000.000 đồng x 1,66%/ tháng x 19 tháng 10 ngày = 128.373.000 đồng.

Đã nhận trước 15.000.000 đồng tiền lãi, số tiền lãi còn lại là:

128.373.000 đồng – 15.000.000 đồng = 113.373.000 đồng.

Đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu số tiền lãi còn lại là 113.370.000 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở.

Tổng cộng vốn và lãi chị H phải trả cho chị T là 513.370.000 đồng.

[3] Về án phí: Buộc bị đơn chị Nguyễn Lâm Thị Ngọc H phải chịu 24.535.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228, Điều 147 và Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T.

Buộc chị Nguyễn Lâm Thị Ngọc H phải trả cho chị Nguyễn Thanh T số tiền là đồng 513.370.000 (Năm trăm mười ba triệu ba trăm bảy mươi ngàn đồng). Trong đó vốn 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng); lãi 113.370.000 đồng (Một trăm mười ba triệu ba trăm bảy mươi ngàn đồng).

3. Về án phí:

Buộc chị Nguyễn Lâm Thị Ngọc H phải chịu 24.535.000 đồng (Hai mươi bốn triệu năm trăm ba mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả số tiền 11.427.000 đồng (Mười một triệu bốn trăm hai mươi bảy ngàn đồng) tạm ứng án phí cho chị Nguyễn Thanh T theo biên lai thu số N_0 0000118 ngày 27/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TPVL;
- CCTHADS TPVL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Diễm